

Số: 877/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Miễn 100% học phí năm học 2015-2016 cho học sinh
(Tốt nghiệp trung học cơ sở đi học Trung cấp chuyên nghiệp; Trung cấp nghề)
Bậc đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp (9+3) và Cao đẳng nghề (9+4) – Khóa 2015

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015. Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông báo số 246/TB-LTT-TTGD ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Hướng dẫn thủ tục miễn, giảm học phí từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ vào biên bản buổi họp Hội đồng xét miễn, giảm học phí năm học 2015-2016 ngày tháng năm 2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra giáo dục - Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn 100% học phí năm học 2015-2016 cho 654 học sinh thuộc diện: Tốt nghiệp Trung học cơ sở đi học Trung cấp chuyên nghiệp; Trung cấp nghề (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những học sinh có tên trong danh sách được miễn 100% học phí năm học 2015-2016, nhưng vẫn phải đóng phụ thu theo qui định.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm và những học sinh, sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTGD.



Phạm Hữu Lộc



**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2015-2016**

Đối tượng: Tốt nghiệp Trung học cơ sở học tiếp lên trình độ Trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp (9+3) và Cao đẳng nghề (9+4) - Khóa 2015

(Kèm theo Quyết định số 877/QĐ-LTT-TTGD ngày 13 tháng 7 năm 2016
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
1	15000936	Trần Tuấn Cường	29/01/2000	15TC-Đ		
2	15000183	Nguyễn Văn Dồi	10/04/2000	15TC-Đ		
3	15000386	Nguyễn Hùng Dũng	06/05/2000	15TC-Đ		
4	15001595	Châu Gia Đạt	12/02/2000	15TC-Đ		
5	15002629	Lý Tấn Đạt	27/04/1994	15TC-Đ		
6	15003401	Hồ Minh Đức	25/02/2000	15TC-Đ		
7	15001615	Trần Phi Hải	02/09/2000	15TC-Đ		
8	15000313	Phạm Thanh Hiền	20/10/2000	15TC-Đ		
9	15002007	Nguyễn Trung Hiếu	23/12/2000	15TC-Đ		
10	15000640	Nguyễn Văn Hóa	05/09/1999	15TC-Đ		
11	15000288	Nguyễn Đỗ Nhật Huy	26/10/2000	15TC-Đ		
12	15000189	Nguyễn Quang Huy	11/09/1998	15TC-Đ		
13	15001780	Nguyễn Xuân Huy	25/04/2000	15TC-Đ		
14	15000273	Trương Quang Huy	11/06/2000	15TC-Đ		
15	15000282	Nguyễn Phi Long	17/03/2000	15TC-Đ		
16	15001817	Nguyễn Sĩ Nguyên	19/03/2000	15TC-Đ		
17	15000248	Trương Bình Long Nhân	12/11/2000	15TC-Đ		
18	15000269	Nguyễn Minh Nhật	24/09/1998	15TC-Đ		
19	15001406	Nguyễn Trần Hoài Phong	07/11/1997	15TC-Đ		
20	15002326	Nguyễn Minh Quang	02/05/2000	15TC-Đ		
21	15000287	Huỳnh Thanh Quy	05/07/2000	15TC-Đ		
22	15003453	Đinh Xuân Quyền	01/01/1997	15TC-Đ		
23	15001429	Phạm Phước Sáng	22/01/2000	15TC-Đ		
24	15000095	Nguyễn Thanh Sơn	07/08/2000	15TC-Đ		
25	15000861	Châu Quang Thần	19/02/1999	15TC-Đ		
26	15000225	Nguyễn Minh Thiện	05/01/2000	15TC-Đ		
27	15000100	Nguyễn Đức Thuận	04/07/2000	15TC-Đ		
28	15003132	Nguyễn Tấn Thuyền	21/04/1998	15TC-Đ		
29	15002610	Phạm Quang Tiến	03/07/1998	15TC-Đ		
30	15000105	Đinh Trần Quang Trung	08/02/2000	15TC-Đ		
31	15000187	Lý Xuân Trường	01/09/1999	15TC-Đ		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
617	15000494	Nguyễn Minh Đức	03/08/2000	15TCN-KTD		
618	15002285	Nguyễn Ngọc Hân	18/06/1997	15TCN-KTD		Nữ
619	15000697	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	12/10/1999	15TCN-KTD		Nữ
620	15003489	Đỗ Trung Hòa	31/03/1998	15TCN-KTD		
621	15000487	Nguyễn Phạm Thị Hồng	02/06/2000	15TCN-KTD		Nữ
622	15000316	Huỳnh Đức Hùng	19/12/2000	15TCN-KTD		
623	15001265	Võ Nguyễn Ngọc Huy	28/12/1998	15TCN-KTD		
624	15000096	Nguyễn Ngọc Khánh	22/05/2000	15TCN-KTD		Nữ
625	15000466	Nguyễn Viết Nguyên Khôi	08/02/2000	15TCN-KTD		
626	15000309	Trần Nguyễn Trung Kiên	30/11/2000	15TCN-KTD		
627	15003488	Nguyễn Hoàng Kim	31/12/2000	15TCN-KTD		Nữ
628	15003440	Trần Ngọc Diễm My	18/03/2000	15TCN-KTD		Nữ
629	15000172	Trần Nguyễn Minh Ngọc	12/03/2000	15TCN-KTD		Nữ
630	15000641	Nguyễn Đăng Hoài Nhật	31/05/2000	15TCN-KTD		
631	15000084	Trần Yến Nhi	02/11/2000	15TCN-KTD		Nữ
632	15002419	Nguyễn Thị Quỳnh Như	09/11/2000	15TCN-KTD		Nữ
633	15001201	Vũ Quỳnh Như	29/08/1999	15TCN-KTD		Nữ
634	15000158	Vũ Kim Phụng	29/09/2000	15TCN-KTD		Nữ
635	15000130	Nguyễn Bùi Bích Phượng	20/06/2000	15TCN-KTD		Nữ
636	15000246	Nguyễn Xuân Phương	17/08/2000	15TCN-KTD		Nữ
637	15000745	Võ Ngọc Bích Phượng	29/01/2000	15TCN-KTD		Nữ
638	15000197	Nguyễn Ngọc Quyên	13/11/1999	15TCN-KTD		Nữ
639	15000203	Nguyễn Thị Thu Sương	31/08/2000	15TCN-KTD		Nữ
640	15000551	Nguyễn Cao Thắng	10/01/2000	15TCN-KTD		
641	15003115	Nguyễn Thị Thảo	16/12/1998	15TCN-KTD		Nữ
642	15003424	Huỳnh Phương Anh Thư	13/05/2000	15TCN-KTD		Nữ
643	15003394	Đoàn Hữu Thuận	15/01/2000	15TCN-KTD		
644	15003367	Phan Vĩnh Toàn	31/07/1998	15TCN-KTD		
645	15003430	Mạch Ngọc Minh Trâm	21/10/1995	15TCN-KTD		Nữ
646	15000174	Vương Minh Tuấn	09/09/1999	15TCN-KTD		
647	15000385	Đỗ Duy Phương Uyên	02/02/2000	15TCN-KTD		Nữ
648	15000119	Nguyễn Trần Khánh Uyên	30/07/1999	15TCN-KTD		Nữ
649	15000318	Lê Thị Hồng Vi	14/06/2000	15TCN-KTD		Nữ
650	15001603	Đoàn Thị Thanh Vy	04/02/2000	15TCN-KTD		Nữ
651	15001785	Giang Thanh Ngọc Vy	27/12/2000	15TCN-KTD		Nữ
652	15000372	Nguyễn Hồng Bảo Vy	31/10/2000	15TCN-KTD		Nữ
653	15000195	Trần Lê Thúy Vy	28/02/1999	15TCN-KTD		Nữ
654	15002137	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	03/02/2000	15TCN-KTD		Nữ
TỔNG CỘNG =		654	151 TCCN (9+3) & 503 CDN (9+4) _ 73 Nữ			73

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
32	15000216	Phạm Hữu Tuấn	08/12/2000	15TC-Đ		
33	15001520	Nguyễn Thành Tường	30/04/2000	15TC-Đ		
34	15001664	Ngô Trần Khải Vinh	09/10/2000	15TC-Đ		
35	15000425	Nguyễn Văn Vinh	10/01/2000	15TC-Đ		
36	15003214	Trần Thiên Xinh	01/10/1999	15TC-Đ		
37	15002534	Đinh Văn Bảo	07/09/1997	15TC-NL		
38	15000610	Huỳnh Triều Cảnh	10/05/2000	15TC-NL		
39	15000430	Đoàn Thanh Chí	10/04/1997	15TC-NL		
40	15000904	Nguyễn Chí Công	19/12/1996	15TC-NL		
41	15000332	Lê Long Đình	09/03/2000	15TC-NL		
42	15000210	Trần Hoàng Gia	04/07/2000	15TC-NL		
43	15000473	Trương Bùi Gia Giàu	28/04/1995	15TC-NL		
44	15001492	Trần Minh Hiệp	01/05/2000	15TC-NL		
45	15003286	Nguyễn An Hòa	13/07/2000	15TC-NL		
46	15002375	Nguyễn Văn Hoàn	12/04/2000	15TC-NL		
47	15001743	Lê Minh Huy	20/07/1999	15TC-NL		
48	15003473	Nguyễn Huy Nhật	28/11/2000	15TC-NL		
49	15000378	Phan Phước Huy	10/11/2000	15TC-NL		
50	15000258	Nguyễn Đức Minh	11/04/2000	15TC-NL		
51	15000903	Nguyễn Hiếu Minh	30/05/1995	15TC-NL		
52	15002518	Cao Thanh Nghĩa	09/11/2000	15TC-NL		
53	15000256	Phạm Ngọc Sang	13/05/1998	15TC-NL		
54	15000311	Bành Thanh Tân	24/03/1997	15TC-NL		
55	15000146	Nguyễn Phúc Tấn	04/05/2000	15TC-NL		
56	15000455	Nguyễn Quang Tiên	25/06/2000	15TC-NL		
57	15000395	Lìn Phát Toàn	07/06/2000	15TC-NL		
58	15003404	Thái Văn Toàn	04/04/1999	15TC-NL		
59	15002470	Nguyễn Tuấn Anh	20/11/1999	15TC-Ô		
60	15003022	Thảm Trung Anh	11/11/1998	15TC-Ô		
61	15000400	Hồng Bảo Ân	07/09/2000	15TC-Ô		
62	15001942	Quách Ngọc Duy Bằng	02/06/1999	15TC-Ô		
63	15003081	Huỳnh Quốc Bảo	24/08/1997	15TC-Ô		
64	15000140	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	30/10/2000	15TC-Ô		
65	15001728	Nguyễn Lâm Ngọc Bảo	17/03/1999	15TC-Ô		
66	15003436	Phạm Duy Bảo	27/06/1999	15TC-Ô		
67	15000391	Phan Gia Bảo	16/10/1992	15TC-Ô		
68	15000840	Đặng Trung Chánh	20/03/2000	15TC-Ô		
69	15000044	Nguyễn Minh Cường	19/07/2000	15TC-Ô		
70	15002949	Nguyễn Nhật Duy	05/04/2000	15TC-Ô		
71	15001090	Phạm Phú Đức	08/08/1998	15TC-Ô		
72	15000513	Nguyễn Võ Anh Hào	11/09/2000	15TC-Ô		
73	15000200	Văn Hữu Hiệp	22/12/1999	15TC-Ô		
74	15003108	Phạm Minh Hòa	12/05/1999	15TC-Ô		
75	15000168	Lương Nhật Hoan	28/11/2000	15TC-Ô		
76	15001964	Nguyễn Thanh Hưng	20/03/1998	15TC-Ô		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
77	15000171	Đỗ Khắc Huy	08/11/2000	15TC-Ô		
78	15003280	Phạm Quốc Huy	17/01/1999	15TC-Ô		
79	15001769	Trịnh Phát Huy	07/12/2000	15TC-Ô		
80	15001918	Vũ Nguyễn Quốc Huy	27/09/2000	15TC-Ô		
81	15000300	Mai Trần Hoàng Long	18/12/1999	15TC-Ô		
82	15002541	Nguyễn Hoàng Long	22/05/2000	15TC-Ô		
83	15000511	Nguyễn Bá Hoàng Nam	06/05/1998	15TC-Ô		
84	15003102	Nguyễn Hoài Nam	10/11/1998	15TC-Ô		
85	15000094	Phạm Nguyễn Hoài Nam	28/08/2000	15TC-Ô		
86	15003348	Nguyễn Trương Bảo Nghi	27/04/2000	15TC-Ô		
87	15002536	Đoàn Văn Nhân	02/05/1999	15TC-Ô		
88	15000368	Lâm Tín Trọng Nhân	01/04/2000	15TC-Ô		
89	15000251	Đoàn Nam Phát	28/10/2000	15TC-Ô		
90	15000302	Trần Hoàng Tài Phát	15/12/2000	15TC-Ô		
91	15001127	Lê Minh Phú	28/07/1997	15TC-Ô		
92	15003095	Vô Tiến Phước	12/10/1999	15TC-Ô		
93	15003310	Nguyễn Mai Phương	22/02/1998	15TC-Ô		
94	15000984	Tiền Liên Quảng	26/12/2000	15TC-Ô		
95	15003377	Nguyễn Hoàng Quốc	16/06/2000	15TC-Ô		
96	15000242	Đặng Trần Quyền	11/11/2000	15TC-Ô		
97	15001940	Kiều Minh Thái	12/12/1997	15TC-Ô		
98	15002017	Thái Văn Thắng	04/04/1999	15TC-Ô		
99	15000161	Đỗ Nguyễn Thuần	02/02/1998	15TC-Ô		
100	15000196	Nguyễn Gia Thuận	08/04/2000	15TC-Ô		
101	15000553	Nguyễn Minh Thuận	18/08/1997	15TC-Ô		
102	15001943	Huỳnh Trọng Tính	28/11/1999	15TC-Ô		
103	15000047	Cao Minh Triết	24/05/2000	15TC-Ô		
104	15001145	Đặng Lê Trường	04/10/1998	15TC-Ô		
105	15003118	Nguyễn Quang Trường	17/07/1998	15TC-Ô		
106	15003137	Nguyễn Văn Nhật Trường	07/12/1999	15TC-Ô		
107	15000322	Trần Lê Văn Trường	15/03/2000	15TC-Ô		
108	15003296	Phạm Đình Tuấn	15/05/1995	15TC-Ô		
109	15003447	Nguyễn Hoàng Trung Vũ	17/09/1999	15TC-Ô		
110	15000299	Đinh Ngọc Tuấn Anh	02/04/1998	15TC-QTM		
111	15000297	Tạ Nguyễn Thiên Ân	31/10/2000	15TC-QTM		
112	15002513	Lê Ngọc Châu	22/06/2000	15TC-QTM		
113	15001873	Võ Công Chí	19/05/2000	15TC-QTM		
114	15000753	Nguyễn Quốc Cường	30/10/2000	15TC-QTM		
115	15001324	Nguyễn Xuân Dũng	11/11/2000	15TC-QTM		
116	15001999	Mai Hoàng Hải Dương	09/11/1998	15TC-QTM		
117	15002294	Nguyễn Ngọc Đức	10/09/1998	15TC-QTM		
118	15003156	Nguyễn Minh Hào	15/04/1999	15TC-QTM		
119	15003405	Nguyễn Xuân Hào	18/08/2000	15TC-QTM		
120	15003356	Nguyễn Huy Hoàng	10/07/2000	15TC-QTM		
121	15001668	Nguyễn Lê Quốc Huy	13/01/2000	15TC-QTM		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
122	15000263	Võ Anh Huy	13/07/2000	15TC-QTM		
123	15003410	Lưu Thị Huyền	14/10/2000	15TC-QTM		Nữ
124	15000472	Nguyễn Tân Khoa	29/11/2000	15TC-QTM		
125	15000268	Trương Lê Anh Khoa	12/05/2000	15TC-QTM		
126	15000605	Trần Tiến Lợi	23/04/2000	15TC-QTM		
127	15001798	Nguyễn Văn Mến	17/10/1997	15TC-QTM		
128	15003403	Đoàn Đình Minh	20/10/1995	15TC-QTM		
129	15000118	Nguyễn Hoài Bảo Minh	30/12/2000	15TC-QTM		
130	15003387	Tô Ngọc Kim Ngân	05/08/1996	15TC-QTM		Nữ
131	15003409	Lý Nam Phát	17/03/2000	15TC-QTM		
132	15002913	Ngô Quang Phú	09/10/1998	15TC-QTM		
133	15000206	Phạm Huy Phú	28/10/2000	15TC-QTM		
134	15000306	Huỳnh Phạm Hữu Phúc	12/08/1999	15TC-QTM		
135	15000098	Lương Chí Quyền	11/02/2000	15TC-QTM		
136	15001899	Bạch Tấn Tài	26/05/1999	15TC-QTM		
137	15003400	Nguyễn Hoài Huy Tâm	22/06/2000	15TC-QTM		
138	15000835	Trịnh Hoàng Tâm	28/12/2000	15TC-QTM		
139	15002449	Nguyễn Phúc Thắng	10/04/1999	15TC-QTM		
140	15002232	Huỳnh Công Thành	29/10/2000	15TC-QTM		
141	15003402	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	15/12/1999	15TC-QTM		Nữ
142	15002874	Lê Duy Thọ	23/02/2000	15TC-QTM		
143	15000406	Phan Trung Tín	28/09/2000	15TC-QTM		
144	15000045	Nguyễn Thanh Đức Trí	28/07/1999	15TC-QTM		
145	15002175	Nguyễn Lê Minh Triết	26/10/2000	15TC-QTM		
146	15003474	Lâm Trường	15/08/1998	15TC-QTM		
147	15001775	Nguyễn Tiến Quốc Tuấn	22/05/2000	15TC-QTM		
148	15003345	Võ Hoàng Anh Tuấn	03/10/2000	15TC-QTM		
149	15003502	Nguyễn Thành Trung	15/07/2000	15TC-QTM		
150	15000293	Châu Đình Hải Vân	16/08/2000	15TC-QTM		Nữ
151	15000169	Huỳnh Cẩm Vân	18/11/2000	15TC-QTM		Nữ
152	15000023	Đặng Nguyễn Phương An	06/04/2000	15TCN-Đ		
153	15000211	Nguyễn Thành An	31/08/2000	15TCN-Đ		
154	15003097	Dương Gia Bảo	28/06/1999	15TCN-Đ		
155	15000061	Vũ Quý Bảo	16/12/1999	15TCN-Đ		
156	15000167	Nguyễn Công Danh	00/00/2000	15TCN-Đ		
157	15000027	Bùi Hoàng Duy	28/02/2000	15TCN-Đ		
158	15000307	Phạm Thành Đạt	22/09/2000	15TCN-Đ		
159	15000281	Tăng Thành Đạt	25/01/2000	15TCN-Đ		
160	15000111	Lê Trần Đức	21/09/2000	15TCN-Đ		
161	15001673	Nguyễn Ngọc Đức	08/10/2000	15TCN-Đ		
162	15001779	Nguyễn Trường Giang	08/03/2000	15TCN-Đ		
163	15001746	Nguyễn Ngọc Hải	10/01/1997	15TCN-Đ		
164	15002760	Trần Nhật Hào	16/02/2000	15TCN-Đ		
165	15000394	Trần Như Hào	29/01/2000	15TCN-Đ		
166	15001991	Võ Trung Hậu	03/07/2000	15TCN-Đ		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
167	15000050	Trần Đăng Hiếu	03/08/2000	15TCN-Đ		
168	15000338	Nguyễn Văn Hoàng	26/06/1999	15TCN-Đ		
169	15001260	Võ Phúc Hưng	18/08/2000	15TCN-Đ		
170	15001574	Đỗ Thanh Huy	04/10/2000	15TCN-Đ		
171	15000354	Đoàn Đình Huy	19/10/1999	15TCN-Đ		
172	15000260	Nguyễn Khoa Nhật Huy	01/04/2000	15TCN-Đ		
173	15000461	Phạm Đức Huy	25/12/2000	15TCN-Đ		
174	15001309	Võ Quốc Huy	05/12/2000	15TCN-Đ		
175	15002910	Huỳnh Hoàng Long	24/08/1994	15TCN-Đ		
176	15002341	Nguyễn Phi Long	30/01/1998	15TCN-Đ		
177	15000124	Nguyễn Thanh Long	12/04/2000	15TCN-Đ		
178	15000403	Võ Hoàng Long	20/03/2000	15TCN-Đ		
179	15001846	Nguyễn Đức Mạnh	14/02/2000	15TCN-Đ		
180	15002614	Đào Công Minh	20/05/1999	15TCN-Đ		
181	15001750	Đỗ Phương Nam	30/10/1999	15TCN-Đ		
182	15000005	Trần Vĩ Hiếu Nghĩa	31/10/2000	15TCN-Đ		
183	15000126	Lê Nguyên Quang Nhật	11/03/2000	15TCN-Đ		
184	15003179	Lê Thanh Phú	10/11/1999	15TCN-Đ		
185	15000059	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000	15TCN-Đ		
186	15001344	Trần Văn Thành	08/09/2000	15TCN-Đ		
187	15000092	Nguyễn Minh Thông	01/05/2000	15TCN-Đ		
188	15003476	Nguyễn Đức Tiến	10/02/2000	15TCN-Đ		
189	15003216	Võ Văn Tiến	12/07/2000	15TCN-Đ		
190	15000018	Trương Công Toại	28/01/2000	15TCN-Đ		
191	15000138	Nguyễn Hữu Toàn	30/10/2000	15TCN-Đ		
192	15000340	Nguyễn Thanh Toàn	08/02/2000	15TCN-Đ		
193	15002273	Nguyễn Ánh Thanh Trà	11/05/2000	15TCN-Đ		
194	15000009	Võ Thanh Trí	17/02/2000	15TCN-Đ		
195	15000237	Trương Đình Trọng	02/03/2000	15TCN-Đ		
196	15000016	Nguyễn Văn Trường	05/10/1997	15TCN-Đ		
197	15000109	Nguyễn Anh Tú	03/06/1999	15TCN-Đ		
198	15003276	Quảng Anh Tú	12/09/2000	15TCN-Đ		
199	15002982	Nguyễn Anh Tuấn	16/10/1998	15TCN-Đ		
200	15003357	Phạm Quang Vinh	22/06/2000	15TCN-Đ		
201	15000149	Huỳnh Triệu Thái Bình	15/02/2000	15TCN-ĐT		
202	15002668	Trần Ánh Dương	20/12/1998	15TCN-ĐT		
203	15000087	Nguyễn Dương Quốc Duy	07/07/2000	15TCN-ĐT		
204	15000212	Nguyễn Hoàng Duy	13/08/2000	15TCN-ĐT		
205	15001107	Nguyễn Ngọc Đông	14/11/1998	15TCN-ĐT		
206	15001576	Trương Phú Hải	06/05/2000	15TCN-ĐT		
207	15000038	Nguyễn Phi Hiếu	20/02/1998	15TCN-ĐT		
208	15000108	Trương Minh Hiếu	20/12/2000	15TCN-ĐT		
209	15001424	Trần Trọng Hợp	01/04/2000	15TCN-ĐT		
210	15000090	Nguyễn Hải Hưng	21/09/2000	15TCN-ĐT		
211	15000028	Nguyễn Hữu Khánh Hưng	21/07/2000	15TCN-ĐT		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
212	15001283	Nguyễn Phú Hưng	12/04/2000	15TCN-ĐT		
213	15000032	Lê Đỗ Quang Huy	30/08/2000	15TCN-ĐT		
214	15000252	Trần Gia Huy	24/12/2000	15TCN-ĐT		
215	15000080	Phạm Đăng Khánh	02/09/2000	15TCN-ĐT		
216	15000401	Vũ Đăng Khoa	26/08/1999	15TCN-ĐT		
217	15000220	Lê Tuấn Kiệt	09/01/2000	15TCN-ĐT		
218	15003032	Nguyễn Bá Lập	02/01/1998	15TCN-ĐT		
219	15000291	Nguyễn Hoàng Long	18/03/2000	15TCN-ĐT		
220	15000628	Nguyễn Hồng Minh	14/06/2000	15TCN-ĐT		
221	15002538	Vũ Vòng Nhật Minh	22/10/2000	15TCN-ĐT		
222	15000858	Lê Cẩm Nghĩa	17/05/1994	15TCN-ĐT		
223	15002646	Lê Nguyễn Hoàng Nhân	21/01/2000	15TCN-ĐT		
224	15000141	Phạm Thanh Nhân	03/09/2000	15TCN-ĐT		
225	15002391	Bùi Thanh Phong	04/06/1997	15TCN-ĐT		
226	15000608	Đường Vinh Phúc	12/11/2000	15TCN-ĐT		
227	15002392	Trần Duy Quang	20/05/1998	15TCN-ĐT		
228	15003364	Đỗ Hữu Quý	25/04/1997	15TCN-ĐT		
229	15000691	Hồ Tân Tài	25/11/2000	15TCN-ĐT		
230	15000205	Trần Ngọc Tân	17/03/2000	15TCN-ĐT		
231	15000190	Đặng Lê Hoàng Thái	11/04/2000	15TCN-ĐT		
232	15001886	Nguyễn Văn Thắng	04/02/2000	15TCN-ĐT		
233	15000345	Bùi Hữu Thành	12/05/1998	15TCN-ĐT		
234	15000155	Huỳnh Mẫn Thiên	15/11/2000	15TCN-ĐT		
235	15000060	Tạ Hoàng Thiện	13/08/2000	15TCN-ĐT		
236	15000249	Đặng Hiếu Thuận	26/02/2000	15TCN-ĐT		
237	15000221	Lê Minh Trí	09/01/2000	15TCN-ĐT		
238	15000137	Trần Tuấn Trung	26/03/2000	15TCN-ĐT		
239	15000077	Đoàn Mạnh Tuấn	02/02/2000	15TCN-ĐT		
240	15000938	Lê Anh Tuấn	16/12/2000	15TCN-ĐT		
241	15000305	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	27/08/2000	15TCN-ĐT		
242	15000081	Dương Hiền Vinh	21/09/2000	15TCN-ĐT		
243	15000798	Lê Vinh Vinh	17/05/2000	15TCN-ĐT		
244	15000217	Nguyễn Công Anh Vũ	18/01/2000	15TCN-ĐT		
245	15000262	Lê Quốc Anh	06/08/2000	15TCN-LĐL		
246	15000234	Nguyễn Xuân Tuấn Anh	08/11/2000	15TCN-LĐL		
247	15000067	Hà Gia Ân	09/11/2000	15TCN-CKL		
248	15001370	Đinh Ngọc Bảo	01/10/2000	15TCN-LĐL		
249	15000382	Nguyễn Anh Bảo	04/12/2000	15TCN-LĐL		
250	15000022	Nguyễn Đức Duy	23/12/2000	15TCN-LĐL		
251	15003484	Phạm Hoàng Duy	03/10/2000	15TCN-LĐL		
252	15001483	Nguyễn Văn Đại	24/05/2000	15TCN-LĐL		
253	15000033	Trần Quốc Đại	31/07/1999	15TCN-LĐL		
254	15000279	Dương Tiến Đạt	04/02/2000	15TCN-LĐL		
255	15000051	Hồ Ngọc Đạt	14/03/2000	15TCN-LĐL		
256	15000154	Liêu Hoàng Tấn Đạt	26/06/2000	15TCN-LĐL		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
257	15000145	Bùi Hải Đức	22/07/2000	15TCN-LĐL		
258	15001820	Nguyễn Trọng Đức	05/01/2000	15TCN-LĐL		
259	15001408	Nguyễn Văn Hậu	09/06/2000	15TCN-LĐL		
260	15000359	Mai Hoàng Huy	30/10/2000	15TCN-LĐL		
261	15000636	Nguyễn Hoàng Huy	21/02/2000	15TCN-LĐL		
262	15000719	Phan Quốc Huy	18/10/2000	15TCN-LĐL		
263	15000343	Nguyễn Lê Gia Khánh	24/08/2000	15TCN-LĐL		
264	15002911	Nguyễn Nhật Khanh	11/09/2000	15TCN-LĐL		
265	15001205	Huỳnh Minh Kiên	22/09/2000	15TCN-LĐL		
266	15002425	Thân Hữu Kiệt	12/07/2000	15TCN-LĐL		
267	15000165	Huỳnh Duy Lân	21/02/2000	15TCN-LĐL		
268	15000757	Lê Tấn Lộc	23/11/2000	15TCN-LĐL		
269	15000177	Phan Hữu Lộc	09/05/2000	15TCN-LĐL		
270	15000271	Hoàng Minh Long	08/01/2000	15TCN-LĐL		
271	15002989	Nguyễn Đình Mạnh	22/05/2000	15TCN-LĐL		
272	15000010	Châu Gia Minh	20/09/2000	15TCN-LĐL		
273	15001536	Lê Trung Nhân	25/12/2000	15TCN-LĐL		
274	15001347	Nguyễn Hoàng Nhật	19/09/1998	15TCN-LĐL		
275	15002454	Trương Tấn Phát	05/02/2000	15TCN-LĐL		
276	15001857	Nguyễn Quốc Phi	18/02/2000	15TCN-LĐL		
277	15000735	Huỳnh Thanh Phong	19/10/2000	15TCN-LĐL		
278	15000384	Liu Tuyền Phúc	29/01/2000	15TCN-LĐL		
279	15000116	Nguyễn Hoàng Phúc	27/07/2000	15TCN-LĐL		
280	15000215	Vũ Đỗ Hoàng Phúc	28/09/2000	15TCN-LĐL		
281	15000008	Nguyễn Hoàng Phước	29/08/2000	15TCN-LĐL		
282	15002742	Võ Văn Phước	10/02/2000	15TCN-LĐL		
283	15000821	Đinh Nhật Quang	05/02/2000	15TCN-LĐL		
284	15000797	Lê Quang	17/05/2000	15TCN-LĐL		
285	15000129	Huỳnh Tấn Tài	30/03/2000	15TCN-LĐL		
286	15000756	Lê Tấn Tài	23/11/2000	15TCN-LĐL		
287	15002652	Nguyễn Tấn Tài	26/06/1999	15TCN-LĐL		
288	15003252	Hoàng Quốc Thắng	21/06/2000	15TCN-LĐL		
289	15000049	Luân Trí Thiện	07/06/2000	15TCN-LĐL		
290	15000331	Nguyễn Thanh Tiếng	01/10/2000	15TCN-LĐL		
291	15001606	Trần Bách Tùng	06/05/2000	15TCN-LĐL		
292	15000106	Hà Ngọc Việt	12/12/2000	15TCN-LĐL		
293	15000153	Hồng Thanh Việt	20/08/2000	15TCN-LĐL		
294	15001131	Nguyễn Tấn Vinh	16/05/2000	15TCN-LĐL		
295	15000243	Lê Anh Võ	09/11/2000	15TCN-LĐL		
296	15000452	Nguyễn Hoàng Hải Anh	21/11/1999	15TCN-CKL		
297	15002001	Nguyễn Ngọc Nguyên Ân	15/02/2000	15TCN-CKL		
298	15002521	Nguyễn Thái Bảo	03/11/2000	15TCN-CKL		
299	15003407	Kiều Công Danh	24/03/1998	15TCN-CKL		
300	15001081	Thân Hoàng Danh	10/11/1999	15TCN-CKL		
301	15000267	Nguyễn Khả Di	30/06/1999	15TCN-CKL		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
302	15003472	Ngô Hải Duy	22/01/1998	15TCN-CKL		
303	15000671	Bùi Xuân Đạt	03/07/2000	15TCN-CKL		
304	15001308	Mai Thành Đạt	24/07/2000	15TCN-CKL		
305	15000370	Nguyễn Văn Đô	04/01/1998	15TCN-CKL		
306	15003416	Tổng Thanh Hải	16/07/2000	15TCN-CKL		
307	15000602	Vũ Đức Hậu	08/04/1999	15TCN-CKL		
308	15003351	Vũ Phước Hậu	15/12/2000	15TCN-CKL		
309	15003494	Nguyễn Xuân Hiếu	17/11/2000	15TCN-CKL		
310	15001610	Nguyễn Minh Hoàng	11/09/1999	15TCN-CKL		
311	15003397	Lâm Quang Huy	14/09/2000	15TCN-CKL		
312	15003284	Nguyễn Quốc Huy	20/01/1998	15TCN-CKL		
313	15000163	Huỳnh Văn Kháng	14/09/2000	15TCN-CKL		
314	15000247	Trần Tuấn Khanh	07/07/2000	15TCN-CKL		
315	15003379	Vương Nhân Kiên	05/01/1998	15TCN-CKL		
316	15001851	Lê Hoàng Kiệt	06/07/1996	15TCN-CKL		
317	15003470	Trần Hoàng Lâm	29/06/1999	15TCN-CKL		
318	15001618	Lưu Văn Linh	13/10/2000	15TCN-CKL		
319	15000329	Huỳnh Thiên Lộc	01/04/1998	15TCN-CKL		
320	15000280	Nguyễn Thắng Lợi	04/02/2000	15TCN-CKL		
321	15000380	Bùi Hoàng Long	04/08/2000	15TCN-CKL		
322	15000379	Bùi Huy Long	04/08/2000	15TCN-CKL		
323	15003415	Nguyễn Hoàng Long	18/09/2000	15TCN-CKL		
324	15003478	Võ Duy Luân	10/01/2000	15TCN-CKL		
325	15000795	Dương Đình Mạnh	18/11/2000	15TCN-CKL		
326	15003432	Cao Nhật Minh	06/05/1998	15TCN-CKL		
327	15000347	Nguyễn Hoàng Nguyên	05/04/1999	15TCN-CKL		
328	15003346	Trương Quang Nguyên	26/05/1999	15TCN-CKL		
329	15002379	Võ Trọng Nhi	07/04/1996	15TCN-CKL		
330	15003218	Trần Bá Phát	28/12/2000	15TCN-CKL		
331	15000135	Trương Nhuận Phát	10/03/2000	15TCN-CKL		
332	15000223	Đào Thanh Phong	15/11/2000	15TCN-CKL		
333	15003420	Trần Lê Minh Phúc	12/06/1998	15TCN-CKL		
334	15000832	Phạm Trương Thiên Phước	07/12/2000	15TCN-CKL		
335	15000514	Trần Võ Đông Phương	12/09/2000	15TCN-CKL		
336	15000058	Trương Quý	27/04/2000	15TCN-CKL		
337	15000304	Trịnh Hồng Sơn	19/03/2000	15TCN-CKL		
338	15000040	Võ Hồng Sơn	02/04/2000	15TCN-CKL		
339	15001030	Phạm Tấn Thành	19/08/1999	15TCN-CKL		
340	15000290	Nguyễn Anh Thiện	24/08/2000	15TCN-CKL		
341	15000292	Nguyễn Quang Tiến	15/03/1998	15TCN-CKL		
342	15001794	Trần Quốc Tiến	10/06/1999	15TCN-CKL		
343	15001432	Nguyễn Ngọc Trà	08/07/2000	15TCN-CKL		
344	15000771	Lê Văn Trang	06/06/2000	15TCN-CKL		
345	15000085	Võ Thành Trí	23/06/2000	15TCN-CKL		
346	15000944	Trương Vị Trung	14/05/1999	15TCN-CKL		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
347	15000066	Nguyễn Trương Hoàn; Tuấn	06/07/2000	15TCN-CKL		
348	15002880	Nguyễn Hữu Vàng	13/08/1995	15TCN-CKL		
349	15003452	Lê Văn Công	11/06/1999	15TCN-Ô1		
350	15000113	Từ Nguyễn Bảo Duy	12/03/2000	15TCN-Ô1		
351	15000278	Bùi Duy Đại	04/08/2000	15TCN-Ô1		
352	15000188	Phan Trần Minh Đan	16/04/2000	15TCN-Ô1		
353	15000245	Trần Hải Đăng	11/07/1998	15TCN-Ô1		
354	15000186	Hoàng Xuân Đức	15/02/2000	15TCN-Ô1		
355	15000052	Phạm Công Trí Đức	26/07/2000	15TCN-Ô1		
356	15000070	Nguyễn Tường Giang	08/01/2000	15TCN-Ô1		
357	15000021	Nguyễn Trần Trung Hiếu	10/09/1998	15TCN-Ô1		
358	15000303	Phạm Đức Hiếu	18/12/2000	15TCN-Ô1		
359	15000180	Lê Bá Hoàn	06/10/1996	15TCN-Ô1		
360	15000006	Bùi Minh Hoàng	09/09/1999	15TCN-Ô1		
361	15000132	Nguyễn Hoàng	08/09/1998	15TCN-Ô1		
362	15000144	Trần Hữu Hoàng	07/10/2000	15TCN-Ô1		
363	15000043	Nguyễn Ngọc Huân	16/05/2000	15TCN-Ô1		
364	15000214	Nguyễn Đức Huy	26/11/2000	15TCN-Ô1		
365	15000082	Nguyễn Phan Trường Huy	18/06/2000	15TCN-Ô1		
366	15000030	Trương Đức Huy	05/07/2000	15TCN-Ô1		
367	15000122	Nguyễn Văn Kha	09/04/2000	15TCN-Ô1		
368	15000133	Đỗ Nguyễn Duy Khang	05/06/2000	15TCN-Ô1		
369	15000004	Nguyễn Hữu Khang	01/01/2000	15TCN-Ô1		
370	15000139	Nguyễn Phi Khang	09/12/2000	15TCN-Ô1		
371	15000182	Trần Gia Khang	14/05/1998	15TCN-Ô1		
372	15000184	Bùi Anh Khoa	18/12/2000	15TCN-Ô1		
373	15000185	Lại Phạm Tuấn Kiệt	18/04/2000	15TCN-Ô1		
374	15000120	Lưu Quốc Liêm	22/08/2000	15TCN-Ô1		
375	15000192	Lê Thanh Lợi	05/02/2000	15TCN-Ô1		
376	15002194	Nguyễn Phi Long	13/02/2000	15TCN-Ô1		
377	15000123	Trần Phi Long	26/09/2000	15TCN-Ô1		
378	15000074	Mai Hoàng Nam	24/03/2000	15TCN-Ô1		
379	15000156	Nguyễn Quang Nhật	11/11/1998	15TCN-Ô1		
380	15000235	Lương Tiến Phát	08/12/1999	15TCN-Ô1		
381	15000173	Nguyễn Vũ Tấn Phát	17/01/2000	15TCN-Ô1		
382	15000219	Nguyễn Vũ Nhật Phi	28/09/2000	15TCN-Ô1		
383	15000048	Châu Thanh Phong	26/11/1999	15TCN-Ô1		
384	15000014	Phạm Thiên Phú	26/11/2000	15TCN-Ô1		
385	15000065	Phan Hồng Phúc	05/03/2000	15TCN-Ô1		
386	15000142	Nguyễn Hoàng Minh Quân	05/07/2000	15TCN-Ô1		
387	15000272	Võ Thành Sang	17/07/2000	15TCN-Ô1		
388	15000046	Đỗ Ngọc Sơn	06/05/2000	15TCN-Ô1		
389	15000227	Nguyễn Huy Tài	22/10/2000	15TCN-Ô1		
390	15000042	Lâm Huỳnh Nhật Tâm	30/10/2000	15TCN-Ô1		
391	15000091	Phạm Lê Quang Nhật Tân	01/12/2000	15TCN-Ô1		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
392	15000199	Phan Văn Tân	22/11/2000	15TCN-Ô1		
393	15000238	Phạm Việt Thái	14/09/2000	15TCN-Ô1		
394	15000162	Lâm Vĩnh Thành	08/02/1999	15TCN-Ô1		
395	15000244	Nguyễn Phúc Thịnh	12/03/2000	15TCN-Ô1		
396	15000068	Phan Thịnh	28/01/2000	15TCN-Ô1		
397	15000148	Lâm Quang Thoại	24/11/2000	15TCN-Ô1		
398	15000035	Nguyễn Trung Tín	08/07/2000	15TCN-Ô1		
399	15000013	Trần Trí Toàn	06/12/2000	15TCN-Ô1		
400	15000039	Huỳnh Hữu Trung	16/06/2000	15TCN-Ô1		
401	15000301	Lê Nguyễn Bảo Trung	10/09/1992	15TCN-Ô1		
402	15000034	Tạ Tiến Trường	08/10/2000	15TCN-Ô1		
403	15000147	Đào Duy Anh Tuấn	04/03/2000	15TCN-Ô1		
404	15000201	Huỳnh Đức Tuấn	09/12/2000	15TCN-Ô1		
405	15000055	Nguyễn Hiền Vương	31/12/2000	15TCN-Ô1		
406	15002429	Nguyễn Tấn Anh	05/02/1999	15TCN-Ô2		
407	15000392	Võ Tuấn Anh	25/03/2000	15TCN-Ô2		
408	15001678	Hoàng Thiên Ân	13/01/2000	15TCN-Ô2		
409	15000493	Vương Anh Bảo	28/07/1999	15TCN-Ô2		
410	15000437	Vũ Việt Bình	19/12/2000	15TCN-Ô2		
411	15000405	Hồ Thanh Công	07/04/1998	15TCN-Ô2		
412	15002102	Lê Thành Công	01/06/1996	15TCN-Ô2		
413	15000529	Nguyễn Văn Trí Cường	28/07/2000	15TCN-Ô2		
414	15003242	Châu Quốc Đàm	02/12/2000	15TCN-Ô2		
415	15002359	Nguyễn Quốc Đạt	02/09/1999	15TCN-Ô2		
416	15001349	Nguyễn Tiến Đạt	12/04/2000	15TCN-Ô2		
417	15001464	Phạm Thành Đạt	17/08/2000	15TCN-Ô2		
418	15001334	Nguyễn Đại Gia	14/05/1999	15TCN-Ô2		
419	15002720	Lê Anh Hào	09/05/1998	15TCN-Ô2		
420	15001498	Hoàng Hiếu	08/04/1995	15TCN-Ô2		
421	15003044	Sì Minh Hiếu	10/09/2000	15TCN-Ô2		
422	15000348	Chung Đoàn Vinh Huy	12/01/2000	15TCN-Ô2		
423	15001336	Ngô Đình Huy	28/05/2000	15TCN-Ô2		
424	15002329	Nguyễn Trần Quốc Huy	07/11/2000	15TCN-Ô2		
425	15001165	Tổng Đức Huy	18/09/1998	15TCN-Ô2		
426	15000353	Trần Dương Khánh Huy	23/08/2000	15TCN-Ô2		
427	15000780	Trần Đình Tuấn Huy	23/09/2000	15TCN-Ô2		
428	15000357	Nguyễn Đức Huỳnh	09/06/2000	15TCN-Ô2		
429	15000670	Nguyễn Quang Khải	25/08/1996	15TCN-Ô2		
430	15000381	Nguyễn Quốc Công Khanh	18/11/2000	15TCN-Ô2		
431	15000325	Nguyễn Văn Khánh	24/09/1999	15TCN-Ô2		
432	15000775	Phạm Quốc Khánh	05/01/1999	15TCN-Ô2		
433	15001011	Nguyễn Thành Long	21/10/1999	15TCN-Ô2		
434	15000404	Hồ Văn Minh	07/04/1998	15TCN-Ô2		
435	15000360	Lưu Nguyễn Nhật Nam	15/05/2000	15TCN-Ô2		
436	15000326	Quách Phương Nam	08/05/2000	15TCN-Ô2		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
437	15003512	Nguyễn Chí Nhân	01/02/1997	15TCN-Ô2		
438	15000231	Trương Kiều Phong	29/10/1999	15TCN-Ô2		
439	15000131	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	23/04/2000	15TCN-Ô2		
440	15003500	Nguyễn Huỳnh Công Quyền	10/02/2000	15TCN-Ô2		
441	15001554	Nguyễn Trí Quyên	30/09/2000	15TCN-Ô2		
442	15000390	Trần Quốc Sang	20/04/2000	15TCN-Ô2		
443	15003513	Dương Thế Sơn	04/03/2000	15TCN-Ô2		
444	15002274	Nguyễn Hữu Tài	11/10/2000	15TCN-Ô2		
445	15000371	Huỳnh Thanh Tân	27/01/2000	15TCN-Ô2		
446	15000409	Nguyễn Hồ Đức Tân	24/05/1998	15TCN-Ô2		
447	15000815	Nguyễn Minh Thái	18/01/1996	15TCN-Ô2		
448	15003206	Trần Đình Thái	02/07/2000	15TCN-Ô2		
449	15000449	Lương Tấn Thành	06/09/1998	15TCN-Ô2		
450	15001433	Hoàng Kim Thuận	08/02/2000	15TCN-Ô2		
451	15003471	Lê Bá Thuận	07/07/2000	15TCN-Ô2		
452	15001085	Hồ Minh Toàn	05/08/2000	15TCN-Ô2		
453	15000373	Phạm Nguyễn Lâm Trường	08/07/2000	15TCN-Ô2		
454	15000351	Trương Hoàng Tú	25/12/1998	15TCN-Ô2		
455	15003511	Nguyễn Bá Anh Tuấn	22/11/1998	15TCN-Ô2		
456	15001767	Lê Duy Tùng	07/10/1997	15TCN-Ô2		
457	15000121	Phan Hữu Vinh	28/04/2000	15TCN-Ô2		
458	15001337	Trần Sơn Vinh	01/09/2000	15TCN-Ô2		
459	15003499	Lê Hoàng Thiên Vũ	10/01/1999	15TCN-Ô2		
460	15000389	Trần Quốc Vũ	20/04/2000	15TCN-Ô2		
461	15002951	Lê Huyền Thủy An	07/10/1999	15TCN-MTT		Nữ
462	15000110	Cao Hoàng Anh	29/11/2000	15TCN-MTT		Nữ
463	15000294	Trương Hải Huỳnh Anh	08/09/2000	15TCN-MTT		Nữ
464	15001707	Hồ Lê Hoàng Ánh	11/08/2000	15TCN-MTT		Nữ
465	15003378	Trần Thị Thanh Hằng	08/02/2000	15TCN-MTT		Nữ
466	15000852	Nguyễn Hải Hào	18/08/2000	15TCN-MTT		
467	15000063	Nguyễn Mai Hương	10/10/2000	15TCN-MTT		Nữ
468	15000017	Nguyễn Việt Khang	15/12/2000	15TCN-MTT		
469	15000257	Bùi Nguyễn Quốc Khánh	29/02/2000	15TCN-MTT		
470	15000031	Lê Khánh Linh	15/04/2000	15TCN-MTT		Nữ
471	15000150	Mai Thủy Linh	22/07/2000	15TCN-MTT		Nữ
472	15003438	Nguyễn Thị Thu Ngọc	03/08/2000	15TCN-MTT		Nữ
473	15003380	Vương Tuệ Ngọc	18/12/1999	15TCN-MTT		Nữ
474	15000950	Nguyễn Thị Hương Nhã	04/01/2000	15TCN-MTT		Nữ
475	15003381	Nguyễn Dương Yến Nhi	13/09/2000	15TCN-MTT		Nữ
476	15002726	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	07/11/2000	15TCN-MTT		Nữ
477	15000725	Phạm Nguyễn Phương Nhi	27/08/2000	15TCN-MTT		Nữ
478	15000254	Lê Thị Thùy Nhung	12/04/2000	15TCN-MTT		Nữ
479	15002461	Chạc Thanh Phụng	05/08/2000	15TCN-MTT		Nữ
480	15003509	Tsản Hoa Phương	25/11/2000	15TCN-MTT		Nữ
481	15002395	Nguyễn Tuấn Sơn	31/08/2000	15TCN-MTT		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
482	15000295	Trần Thị Thảo	Sương	10/05/2000	15TCN-MTT		Nữ
483	15002374	Phạm Thạch	Thảo	10/05/2000	15TCN-MTT		Nữ
484	15000870	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	19/08/1993	15TCN-MTT		Nữ
485	15003414	Vương Minh	Thư	02/08/2000	15TCN-MTT		Nữ
486	15000202	Huỳnh Nguyễn Thủy	Tiên	05/05/2000	15TCN-MTT		Nữ
487	15002258	Phạm Vũ Quế	Trần	20/02/2000	15TCN-MTT		Nữ
488	15003413	Nguyễn Giao Cát	Tường	30/01/2000	15TCN-MTT		Nữ
489	15000181	Phạm Thiên	Ân	19/11/2000	15TCN-QTM1		
490	15000102	Phùng Long	Ân	09/11/2000	15TCN-QTM1		
491	15000241	Trần Hoàng	Ân	02/02/2000	15TCN-QTM1		
492	15000069	Cao Tiểu	Bảo	24/11/2000	15TCN-QTM1		
493	15000233	Từ Gia	Bảo	01/02/2000	15TCN-QTM1		
494	15000229	Trịnh Thị Ngọc	Bích	19/02/2000	15TCN-QTM1		Nữ
495	15000029	Nguyễn Thành	Công	22/11/2000	15TCN-QTM1		
496	15000451	Huỳnh Văn	Dũng	25/11/2000	15TCN-QTM1		
497	15000125	Bùi Hoàng	Duy	24/11/1999	15TCN-QTM1		
498	15000928	Huỳnh Phan Minh	Duy	20/07/2000	15TCN-QTM1		
499	15000166	Nguyễn Đăng	Đạt	24/08/2000	15TCN-QTM1		
500	15000012	Phạm Trí	Hiệp	15/11/2000	15TCN-QTM1		
501	15000026	Bùi Minh	Hiếu	28/10/2000	15TCN-QTM1		
502	15000143	Nguyễn Hồ Trọng	Hiếu	19/01/2000	15TCN-QTM1		
503	15003374	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	22/10/1997	15TCN-QTM1		
504	15000266	Lương Hiền	Hoài	19/09/2000	15TCN-QTM1		
505	15000099	Đinh Thanh	Hoàng	12/02/2000	15TCN-QTM1		
506	15000007	Nguyễn Quách Huy	Hoàng	10/02/2000	15TCN-QTM1		
507	15000019	Hồ Mạnh	Hùng	14/07/2000	15TCN-QTM1		
508	15002057	Nguyễn Tiến	Hùng	06/10/2000	15TCN-QTM1		
509	15000115	Nguyễn Ngọc Song	Hương	17/09/2000	15TCN-QTM1		Nữ
510	15000259	Lê Nguyễn Mai	Hữu	10/11/2000	15TCN-QTM1		
511	15000194	Du Han	Huy	19/12/2000	15TCN-QTM1		
512	15000178	Nguyễn Gia	Huy	12/12/2000	15TCN-QTM1		
513	15000073	Nguyễn Hoàng Nhật	Huy	10/09/2000	15TCN-QTM1		
514	15000078	Nguyễn Trọng	Huy	07/09/2000	15TCN-QTM1		
515	15000159	Phạm Đăng	Khoa	14/11/2000	15TCN-QTM1		
516	15001354	Vũ Ngọc Anh	Khoa	26/06/2000	15TCN-QTM1		
517	15000075	Lê Đình	Khôi	11/06/2000	15TCN-QTM1		
518	15000056	Trịnh Ngọc	Lộc	19/03/2000	15TCN-QTM1		
519	15000104	Hồ Nguyễn Minh	Long	31/10/2000	15TCN-QTM1		
520	15000160	Nguyễn Thái Hoàng	Long	15/09/2000	15TCN-QTM1		
521	15000337	Phạm Đỗ Hoàng	Long	14/07/2000	15TCN-QTM1		
522	15000072	Trần Quang	Long	13/12/2000	15TCN-QTM1		
523	15000086	Trần Gia	Ngọc	23/02/1999	15TCN-QTM1		Nữ
524	15000151	Hồ Minh	Nguyễn	14/12/2000	15TCN-QTM1		
525	15000176	Nguyễn Song	Nguyễn	08/10/1998	15TCN-QTM1		
526	15000097	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	29/08/2000	15TCN-QTM1		Nữ

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
527	15000253	Phạm Nhật Phong	04/07/2000	15TCN-QTM1		
528	15000064	Nguyễn Thiên Phúc	07/09/1999	15TCN-QTM1		
529	15000204	Phan Phú Phước	12/04/2000	15TCN-QTM1		
530	15000240	Bùi Nguyễn Quốc Phương	07/02/2000	15TCN-QTM1		
531	15000011	Phương Bình Quân	12/03/2000	15TCN-QTM1		
532	15000236	Lê Đăng Quang	07/02/2000	15TCN-QTM1		
533	15000222	Vũ Minh Quyền	01/07/2000	15TCN-QTM1		
534	15000025	Đinh Ngọc Thanh Sơn	07/11/2000	15TCN-QTM1		
535	15000062	Nguyễn Phi Sơn	09/11/1999	15TCN-QTM1		
536	15000230	Lê Mạnh Tài	09/04/2000	15TCN-QTM1		
537	15000250	Phạm Duy Tân	29/02/2000	15TCN-QTM1		
538	15000239	Đặng Nguyễn Minh Thái	29/12/2000	15TCN-QTM1		
539	15000134	Huỳnh Quốc Thái	31/05/2000	15TCN-QTM1		
540	15000112	Phạm Minh Tiến Thành	18/10/2000	15TCN-QTM1		
541	15000083	Vô Tuấn Thành	11/10/2000	15TCN-QTM1		
542	15000054	Lê Đức Thiện	06/09/2000	15TCN-QTM1		
543	15000037	Nguyễn Xuân Thoái	17/11/1999	15TCN-QTM1		
544	15000207	Ngô Minh Thông	28/12/2000	15TCN-QTM1		
545	15000127	Nguyễn Nhật Toàn	17/01/2000	15TCN-QTM1		
546	15000224	Nguyễn Thanh Hà Trang	09/03/2000	15TCN-QTM1		Nữ
547	15000891	Lê Nhã Trúc	23/09/2000	15TCN-QTM1		Nữ
548	15000071	Nguyễn Văn Tú	08/11/1999	15TCN-QTM1		
549	15000164	Phạm Hoài Tú	12/01/2000	15TCN-QTM1		Nữ
550	15001355	Mai Thảo Vi	18/10/2000	15TCN-QTM1		Nữ
551	15000310	Lê Thanh An	06/07/2000	15TCN-QTM2		
552	15000571	Mai Tuấn Anh	06/02/2000	15TCN-QTM2		
553	15000319	Hồ Đăng Hữu Bảo	05/08/2000	15TCN-QTM2		
554	15002465	Hồ Quốc Bảo	05/07/2000	15TCN-QTM2		
555	15000333	Đàm Vinh Cường	10/05/2000	15TCN-QTM2		
556	15002414	Huỳnh Quốc Cường	13/11/2000	15TCN-QTM2		
557	15003399	Phạm Võ Quang Duy	16/05/2000	15TCN-QTM2		
558	15000742	Trần Nguyễn Anh Duy	19/10/2000	15TCN-QTM2		
559	15000512	Mai Đỗ Đại	05/06/2000	15TCN-QTM2		
560	15003069	Bùi Quốc Đăng	19/05/2000	15TCN-QTM2		
561	15001912	Vũ Hải Đăng	05/11/2000	15TCN-QTM2		
562	15001376	Nguyễn Thành Đạt	14/05/2000	15TCN-QTM2		
563	15001176	Lê Long Minh Định	17/02/2000	15TCN-QTM2		
564	15000410	Quang Minh Đức	08/12/2000	15TCN-QTM2		
565	15000625	Trương Minh Đức	16/05/2000	15TCN-QTM2		
566	15000446	Nguyễn Trường Giang	22/01/2000	15TCN-QTM2		
567	15000346	Võ Thị Vĩnh Hậu	27/04/2000	15TCN-QTM2		Nữ
568	15000574	Vũ Trung Hậu	19/12/2000	15TCN-QTM2		
569	15000599	Nguyễn Minh Hiếu	15/11/2000	15TCN-QTM2		
570	15000932	Lê Vũ Huy Hoàng	07/08/2000	15TCN-QTM2		
571	15000228	Nguyễn Hữu Bảo Hưng	10/10/2000	15TCN-QTM2		

S TT	Mã số Học sinh	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ	GT
572	15000407	Đỗ Đức Huy	27/09/2000	15TCN-QTM2		
573	15000509	Nguyễn Quốc Huy	18/02/2000	15TCN-QTM2		
574	15002515	Nguyễn Tăng Huy	21/02/2000	15TCN-QTM2		
575	15001726	Nguyễn Văn Lê Đình Khải	02/08/1998	15TCN-QTM2		
576	15001821	Nguyễn Hoàng Khang	22/10/2000	15TCN-QTM2		
577	15000856	Nguyễn Thanh Huy Khang	20/01/2000	15TCN-QTM2		
578	15000592	Phạm Hoàng Thanh Khang	08/12/2000	15TCN-QTM2		
579	15003040	Lê Ngọc Khanh	26/09/2000	15TCN-QTM2		
580	15000364	Ngô Duy Khánh	09/06/2000	15TCN-QTM2		
581	15000323	Trần Văn Khánh	19/02/2000	15TCN-QTM2		
582	15001626	Dương Nguyên Khôi	12/02/2000	15TCN-QTM2		
583	15000358	Diệp Bảo Long	06/12/2000	15TCN-QTM2		
584	15001022	Đỗ Trần Long	07/05/2000	15TCN-QTM2		
585	15001781	Lê Thành Long	23/10/2000	15TCN-QTM2		
586	15000689	Nguyễn Văn Long	25/06/2000	15TCN-QTM2		
587	15003028	Trần Văn Mạnh	14/07/2000	15TCN-QTM2		
588	15001356	Nguyễn Lê Kiều Mi	28/06/2000	15TCN-QTM2		Nữ
589	15001590	Lê Triệu Minh	24/08/2000	15TCN-QTM2		
590	15000837	Nguyễn Phi Nga	13/12/1997	15TCN-QTM2		Nữ
591	15000388	Hà Minh Nhật	23/12/2000	15TCN-QTM2		
592	15000330	Nguyễn Huỳnh Thiên Phát	26/11/1999	15TCN-QTM2		
593	15000411	Nguyễn Minh Phúc	06/12/2000	15TCN-QTM2		
594	15000464	Nguyễn Kim Trúc Phương	28/03/2000	15TCN-QTM2		
595	15000376	Trương Chí Tài	19/04/1997	15TCN-QTM2		
596	15001630	Trần Thuận Tân	16/05/2000	15TCN-QTM2		
597	15000915	Trương Quốc Thắng	10/05/2000	15TCN-QTM2		
598	15002170	Nguyễn Cao Đức Thiên	06/06/2000	15TCN-QTM2		
599	15000350	Nguyễn Phan Xuân Thiện	17/11/1998	15TCN-QTM2		
600	15002015	Tổng Ngọc Thiện	24/09/2000	15TCN-QTM2		
601	15000399	Trần Đỗ Phúc Thiện	26/08/2000	15TCN-QTM2		
602	15000336	Trần Trung Thuận	13/06/2000	15TCN-QTM2		
603	15000367	Lê Đỗ Huyền Trân	31/01/2000	15TCN-QTM2		Nữ
604	15000369	Lê Ngọc Trân	09/12/2000	15TCN-QTM2		Nữ
605	15002201	Thái Tường Trung	25/08/2000	15TCN-QTM2		
606	15003431	Trương Quốc Trung	15/10/1998	15TCN-QTM2		
607	15001875	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2000	15TCN-QTM2		
608	15000924	Lê Anh Tuấn	04/02/1995	15TCN-QTM2		
609	15001388	Lê Quang Tuấn	17/07/1999	15TCN-QTM2		
610	15001313	Trần Thanh Tuấn	13/01/2000	15TCN-QTM2		
611	15000335	Phạm Ngọc Thu Tuyết	17/05/2000	15TCN-QTM2		Nữ
612	15003408	Mai Như Ý Ý	29/03/2000	15TCN-QTM2		
613	15000308	Đào Thụy Duyên Anh	07/11/2000	15TCN-KTD		Nữ
614	15000232	Đỗ Huỳnh Thiên Bảo	28/11/2000	15TCN-KTD		
615	15002312	Nguyễn Mỹ Duyên	03/06/1998	15TCN-KTD		Nữ
616	15001187	Châu Mom Thy Đa	02/09/2000	15TCN-KTD		Nữ